

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂNG ĐỘNG (DCDS)

Mục tiêu đầu tư của Quỹ DCDS tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và thu nhập thông qua việc đầu tư vào danh mục cân bằng và đa dạng gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ trên thị trường Việt Nam.

THÔNG TIN CHUNG

| | |
|-----------------------------------|--|
| Ngày bắt đầu hoạt động | 20/5/2004 |
| Tổng NAV (tỷ VNĐ) | 1.610,0 |
| NAV PER SHARE (VNĐ) | 63.808,8 |
| Ngân hàng giám sát | Standard Chartered Vietnam |
| Kiểm toán bởi | PwC Vietnam |
| Đại lý phân phối | Xem tại trang chủ dragoncapital.com.vn |
| Phí quản lý | Tối đa 2%/NAV/năm |
| Tỷ lệ chi phí 12 tháng (%) | 2,1 |
| Kỳ giao dịch | Hàng ngày (ngày T) |
| Đầu tư tối thiểu từ | 100.000 đồng |
| Phí đăng ký | Miễn phí |
| Phí bán CCQ | 2,5% < 180 ngày 1,5% < 365 ngày 0,5% < 730 ngày 0% > 731 ngày |

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRONG THÁNG

Kết thúc tháng 8, giá trị NAV/ccq Quỹ DCDS tăng 6,7% so với tháng trước, vượt chỉ số benchmark với mức tăng 4,9% cùng kỳ. Mức tăng trưởng vượt trội trong tháng chủ yếu do sự hồi phục của nhóm ngành bán lẻ và diễn biến khá thuận lợi của nhóm cổ phiếu dầu khí.

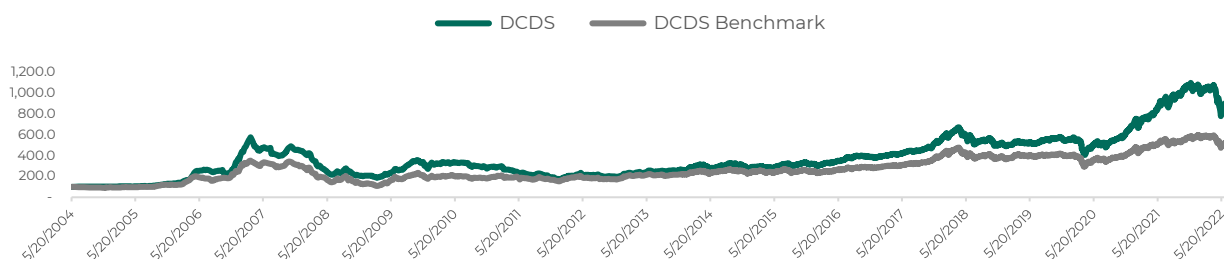
Trong kỳ quỹ tiến hành giải ngân mạnh vào nhóm dầu khí do các yếu tố nội tại của ngành đang chuyển biến thuận lợi, cụ thể: đại dự án Block B Ô Môn có nhiều tín hiệu khả quan sẽ sớm được triển khai, giá cước thuê giàn khoan dầu khí và cước vận chuyển tàu dầu đều tăng mạnh trong bối cảnh giá dầu đã neo ở mức cao trong một khoảng thời gian dài. Ngoài ra, trong tháng 8 các cổ phiếu trong nhóm ngành bất động sản khu công nghiệp và xây dựng cũng có sự hồi phục tương đối tốt. Ở chiều ngược lại, quỹ tiến hành hạ bớt tỷ trọng các cổ phiếu nhóm ngành tài chính ngân hàng và điện năng.

Tại thời điểm cuối tháng, quỹ nắm giữ 2,6% NAV tiền mặt, bên cạnh 9,6% NAV chứng khoán nợ. Hầu hết cổ phiếu trong danh mục Quỹ đạt tăng trưởng tốt trong tháng qua như DGW (+22,3%), MWG (+22%), PVD (+20%) và VCI (+19,6%).

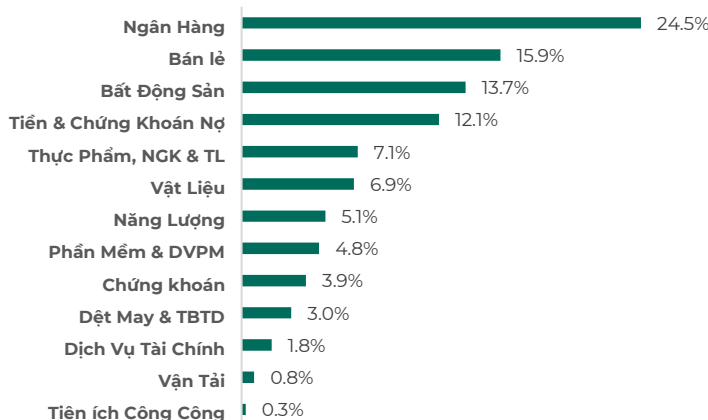
Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động ("MWG") thuộc top cổ phiếu tăng trưởng tích cực nhất trong danh mục Quỹ. Kết thúc 6M2022, MWG công bố doanh thu đạt hơn 70.000 tỷ đồng (+13,3% yoy), lợi nhuận sau thuế tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước đạt 2.574 tỷ đồng. MWG đang đẩy nhanh quá trình cải tiến hiệu suất hoạt động của chuỗi Bách hoá xanh đồng thời tích cực triển khai tiến trình bán cổ phần chiến lược nhằm huy động nguồn vốn cho giai đoạn phát triển mạnh trong tương lai.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

| | NAV/đvq & Index | 1 Tháng | 3 Tháng | Kể từ đầu năm | 12 Tháng | Kể từ khi thành lập 20/05/2004 |
|-----------------------|-----------------|---------|---------|---------------|----------|--------------------------------|
| DCDS | 63.808,8 | 6,7 | -0,5 | -18,8 | -9,8 | 766,5 |
| DCDS Benchmark | 507,8 | 4,9 | -1,0 | -12,3 | -3,6 | 407,8 |



PHÂN BỐ TÀI SẢN THEO NGÀNH



10 KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

| CỔ PHIẾU | NHÓM NGÀNH | % NAV |
|----------|---------------------|-------|
| MWG | Bán Lẻ | 9.9% |
| MBB | Ngân Hàng | 5.5% |
| VCB | Ngân Hàng | 5.5% |
| TCB | Ngân Hàng | 5.2% |
| PNJ | Dệt May & TBTD | 5.0% |
| FPT | Thiết Bị & PCCN | 4.8% |
| GAS | Tiện ích Công Cộng | 3.7% |
| VHC | Thực Phẩm, NGK & TL | 2.9% |
| BID | Ngân Hàng | 2.8% |
| VPB | Ngân Hàng | 2.6% |

TỔNG CỘNG 47.9%

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂNG ĐỘNG (DCDS)

LỢI SUẤT ĐẦU TƯ

| BENCHMARK | DCDS BENCHMARK | | | | | |
|---------------------------------|----------------------|--------------|--------------|-------------|-------------|-------------|
| TĂNG TRƯỞNG TỪNG NĂM (%) | Kể từ đầu năm | 2021 | 2020 | 2019 | 2018 | 2017 |
| DCDS | -18,8 | 53,9% | 25,2% | 10,6% | -9,6% | 44,8% |
| DCDS Benchmark | -12,3 | 28,8% | 12,7% | 7,7% | -6,9% | 40,7% |
| TĂNG TRƯỞNG LŨY KẾ (%) | 1 Năm | 3 Năm | 5 Năm | | | |
| DCDS | 53,9% | 57,3% | 93,4% | | | |

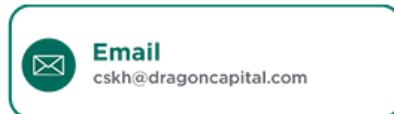
ĐẶC TRƯNG DANH MỤC

| Chỉ số cơ bản | DCDS | VN-Index |
|--|-------------|-----------------|
| P/E (phương pháp chỉ số) | 11,6 | 13,8 |
| P/B (phương pháp chỉ số) | 2,1 | 2,1 |
| Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (%) | 22,1 | 20,2 |
| Tỷ suất sinh lời cổ tức (%) | 1,6 | 1,7 |
| Số lượng cổ phiếu | 54,0 | 400 |
| Hệ số rủi ro | DCDS | VN-Index |
| Hệ số Beta | 1,1 | 1,0 |
| Độ biến động bình quân năm (%) | 21,6 | 19,3 |
| Hệ số Sharpe | -0,7 | -0,5 |

GIAO DỊCH

| | |
|--|------------------------------------|
| Ngày giao dịch (T Day) | Thứ Hai – Sáu (ngày làm việc) |
| Hạn chót đặt lệnh & Chuyển tiền mua | Trước 14h30 các ngày làm việc |
| Ngày giao dịch & Nhận kết quả | 01 ngày làm việc sau ngày đặt lệnh |

HỖ TRỢ



DISCLAIMER

Tài liệu này cũng như bất kỳ điều gì có trong tài liệu này sẽ không phải là cơ sở của bất kỳ hợp đồng cam kết nào. Thông tin trong tài liệu này chỉ dành cho mục đích thông tin và có thể được cập nhật, sửa đổi và không có tuyên bố hoặc bảo đảm (rõ ràng hay ngụ ý), và không có trách nhiệm pháp lý nào được chấp nhận bởi Dragon Capital hoặc bất kỳ cá nhân nào khác, liên quan đến tài liệu này. Bất kỳ khoản đầu tư nào cũng phải được thực hiện trên cơ sở các tài liệu chào bán có liên quan. Hiệu quả đầu tư trong quá khứ không nhất thiết phải là chỉ dẫn cho tương lai. Nên nghiên cứu thận trọng tài liệu này. Nếu bạn còn nghi ngờ về bất kỳ thông tin nào trong tài liệu này, bạn nên xin ý kiến chuyên gia độc lập.